

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P4+P6	7:25	3+13+6	0+0+0		1+13+8	0+0+0	chuyển 2 p4-p6
2		TGTH4+AMD+P8	7:25	4+8+10	0+0+0		3+8+12	0+0+0	
3		P9+PPD+BK21	7:25	2+16+4	0+0+0		1+13+8	0+0+0	
4		TTC1+BK19+VSP01	9:25	8+3+11	0+0+0		6+3+13	0+0+0	
5		P6+BK4	9:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
6		CTK3+P8+TTC2	9:25	3+14+5	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
7		T.UNG	11:00	19	0		17	0	
8		AMD+P4+P5	11:25	14+8+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
9		PPD+TGTH5	11:25	19+3	0+0		16+4	0+0	
10		RP3+GTCL+TTC1	13:25	20+1+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
11		BK14+BK10+VSP01	13:25	1+4+16	0+0		0+1+21	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi về trong ngày P5-3ng, P4-2ng, ttcl-3ng.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	TO: P5 - P4 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-l			

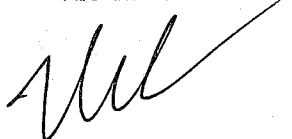
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC ANH	P5	02	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
2	IVLEV IGOR N	P5	03	1	5	10	85	D-HANH	Russian
3	HUYNH LÊ THIÊN CHINH	P5	01	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
4	MIRSAYAPOV RUSLAN	P4	02	1	4		103	KH-THAC	Russian
5	HA VAN NIN	P4	37-38	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOANG	P4	03-04	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	35	1	5		74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	06	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	ĐO ĐỨC LONG	P4	44	1	5		56	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	07	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	HOANG TRỌNG TÂN	P4	39-40	2	12		70	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	43	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	LÊ HUY CHUÔNG	P4	34	1	5		55	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	41	1	5		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH GIAP	P4	05	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH DUC	P4	36	1	5		92	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	91	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TUAN	P6	94,98	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI MẠNH KHÁNH CƯỜNG	P6	92-93	2	19		85	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM VAN KHUONG	P6	99,10	2	12	15	70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HUY THÔNG	P6	88	1	5	15	80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC ANH HUY	P6	90	1	5		86	APAVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	3	15	219	10	1		CHUYEN 02 PAX TUP SANG P6
2	P4	13	16	87	946	0	13	+2	
3	P6	6	9	62	440	30	8		
TOTAL		22	28	164	1.605	40	22		
WEIGHT KG				164	1.605	40			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

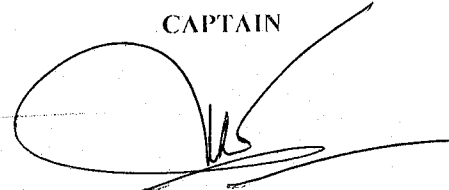
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TGTH4 - AMD - P8	CREW: TUYỀN - MMinh - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

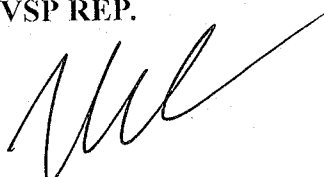
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	42	1	15		73	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC THANH	TGTH4	40-41	2	13		55	MIEN NAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC LANG	TGTH4	38-39	2	18		62	MIEN NAN	Vietnamese
4	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	43-44	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN AN	AMD	89	1	8		70	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN AN	AMD	90	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	92	1	3	70	90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TAN	AMD	88	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THU	AMD	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN QUYET	AMD	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DINH HIEU	AMD	85	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SON	AMD	87	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN KHAI	P8	46-47	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH QUANG TRUNG	P8	56	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN NHAN	P8	57-58	2	16		74	YTE	Vietnamese
16	TRUONG HONG HAI	P8	49-50	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DINH HUAN	P8	53	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CHANH PHAT	P8	48	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET KHA	P8	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN CHAU NAM	P8	54	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUANG	P8	51	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HAI	P8	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

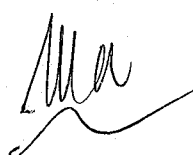
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	7	61	258	0	3		
2	AMD	8	8	45	571	70	8		
3	P8	10	13	77	703	0	14		
TOTAL		22	28	183	1.532	70	22		
WEIGHT KG				183	1.532	70			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

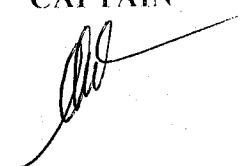
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	TO: P9 - PPD - BK21	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 09:30
VANG-1			

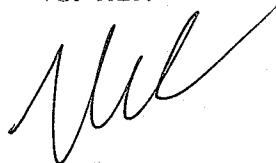
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRẦN TRUNG	P9	08	1	17		73	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIẾN TOÀN	P9	09-10	2	20		71	CODIEN	Vietnamese
3	DƯƠNG CHI TUYẾN	PPD	75	1	12	75	66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN SƠN NAM	PPD	69	1	5		86	KHI	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	68	1	6		86	KHI	Vietnamese
6	ĐÌNH NGỌC QUY	PPD	64	1	4		78	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	65	1	4		75	KHI	Vietnamese
8	DOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	73	1	2		62	KHI	Vietnamese
9	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	46	1	8		67	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	72	1	2		84	KHI	Vietnamese
11	LÊ HỒNG PHONG	PPD	66-67	2	12		80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT ĐÀI	PPD					74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	74	1	5		68	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	62	1	5		81	KHI	Vietnamese
15	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	70	1	5		81	KHI	Vietnamese
16	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	01	1	2		62	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TIẾN	PPD	63	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO DUY LỊCH	PPD	71	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	BẠCH ANH TUÂN	BK21	82-83	2	9	20	66	KH-THAC	Vietnamese
20	VU ĐỨC DŨNG	BK21	85	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HA	BK21	80-81	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG TRUNG ĐỨC	BK21	84	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	2	3	37	144	0	1		
2	PPD	16	16	84	1.193	75	13		
3	BK21	4	6	39	306	20	8		
TOTAL		22	25	160	1.643	95	22		
WEIGHT KG				160	1.643	95			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TTC1 - BK19 - VSP01	CREW: VThắng - HTrung - HIÊU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	TTC1					60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN BA ĐỒNG	TTC1					65	KH-THAC	Vietnamese
3	KUZMENKO	TTC1	68	1	8		90	KH-THAC	RUS
4	VĂN MINH TÂN	TTC1	59	1	5	30	64	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THANH ĐO	TTC1	64-65	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	60-61	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOANG	TTC1	62	1	5		68	PSV	Vietnamese
9	HOANG TRỌNG PHÚC	BK19	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO VĂN KHA KHA	BK19	69	1	7	20	80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK19	71	1	13		58	PSV	Vietnamese
12	CHERNYSHEV V.	VSP01	36	1	10		110	KH-THAC	Russian
13	VŨ QUANG HUY	VSP01	39-40	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	35	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	34	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	41	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	37	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN THOẠI	VSP01	43	1	3		74	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	8	8	48	572	30	6		
2	BK19	3	3	25	208	20	3		
3	VSP01	11	10	65	857	0	13		
TOTAL		22	21	138	1.637	50	22		
WEIGHT KG				138	1.637	50			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

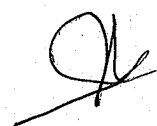
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	TO: P6 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MMinh - NNam	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	42	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HÙNG TUÂN	P6	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	28	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG HÙNG	P6	49-50	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	34-35	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH HOÀI NAM	P6	45	1	16		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ VĂN SANG	P6	29	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC AN	P6	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P6	43-44	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THẮNG	P6	31	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỊN	P6	33	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC HỒNG	P6	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỞNG DIỄN	P6	46-48	3	9		71	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO MINH HOÀNG	P6	36	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH ĐỨC TRUNG	P6	32	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P6	37	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	HỒ QUỐC VŨ	P6	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TIẾN	P6	39	1	5		54	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ ĐỨC ANH	BK4	71	1	13	37	78	CODIEN	Vietnamese
20	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	BK4	72	1	11	45	75	CODIEN	Vietnamese
21	VŨ NHƯ HIỀN	BK4	80	1	5		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

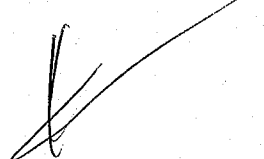
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	18	23	139	1.286	0	13		
2	BK4	3	3	29	223	82	9		
TOTAL		21	26	168	1.509	82	22		
WEIGHT KG				168	1.509	82			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

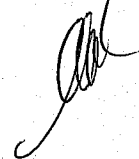
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: CTK3 - P8 - TTC2	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NINH BÌNH	CTK3	49	1	11		71	WOGC	Vietnamese
2	LUƠNG TUẤN ANH	CTK3	21	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚ	CTK3	53-54	2	12		61	DK9	Vietnamese
4	LÊ QUANG HIỀN	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	68-69	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	66-67	2	21		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH TRÍ	P8	59-60	2	9		59	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN BÁC	P8					68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	62	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ CHÈ LINH	P8	73	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	70	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH VINH	P8	71	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	72	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TÂN	P8	61	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	64	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	65	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TRUNG	P8	63	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2				40	65	KH-THAC	Vietnamese
19	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2					63	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	74	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	99	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	73	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	4	30	212	0	0		
2	P8	14	15	85	983	0	17		
3	TTC2	5	3	19	331	40	5		
TOTAL		22	22	134	1.526	40	22		
WEIGHT KG				134	1.526	40			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - MTiến	ETA: 14:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG				80	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ QUYỀN	T.UNG	42	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	37	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUÔNG HOÀNG ANH	T.UNG	31	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
8	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG					80	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	44	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	45	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	40	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	39	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH XUÂN TOÀN	T.UNG	35-36	2	20		60	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MINH	T.UNG	38	1	17		82	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	T.UNG	32	1	6	24	60	T-TIN	Vietnamese
17	ĐOÀN ĐẮC TŨY	T.UNG	41	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	30	1	3		56	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI HUNG	T.UNG	54	1	7		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

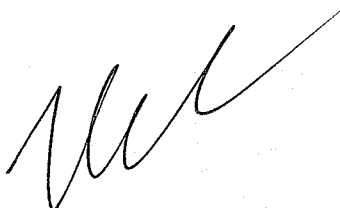
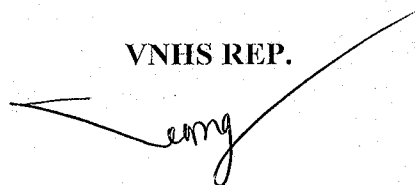
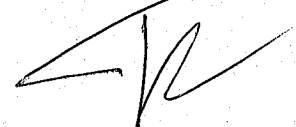
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	17	124	1.321	104	17		
	TOTAL	19	17	124	1.321	104	17		
	WEIGHT KG			124	1.321	104			

GRAND TOAL: 1.549 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Feed: 2200kg (Nghĩa)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: AMD - P4 - P5	CREW: VThắng - Sơn - DTùng	ETA: 14:00
CAM-3			

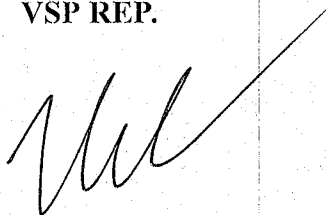
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LỢI	AMD	15	1	8	30	55	THIEN PH	Vietnamese
2	PHẠM HUY ĐÌNH	AMD	21-22	2	20		64	TTCNTT&	Vietnamese
3	BUI TRẦN LIÊM	AMD	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	23	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
5	TẶNG XUÂN HAI	AMD	18	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	26	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	29	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG THAI	AMD	20	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	30	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	27-28	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	31-32	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	25	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CHIẾN	AMD	33	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	BUI NGỌC TÂN	AMD	19	1	5		62	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HỮU THỌ	P4	16	1	8	18	66	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DUONG	P4	15	1	3	40	72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ANH	P4	17	1	4	55	69	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LÂM	P4	10	1	5		71	KHI	Vietnamese
19	PONOMARENKO E.	P4	13	1	10		88	KHI	Russian
20	NGUYỄN VŨ HUNG	P4	14	1	5		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH SƠN	P4	12	1	5		67	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	11	1	4		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	17	103	918	30	11		
2	P4	8	8	44	552	113	8		
3	P5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	25	147	1.470	143	22		
WEIGHT KG				147	1.470	143			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

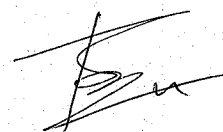
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	TO: PPD - TGTH5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HUNG - LTuấn - MQUÂN	ETA: 14:05
VANG-3			

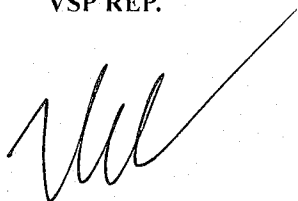
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DU TRAN HUNG	PPD	66	1	5	25	76	KH-THAC	Vietnamese
2	KRAMARENKO V.V.	PPD	67	1	7	40	70	KH-THAC	Russian
3	VU VAN CHIEN	PPD	52	1	5	50	70	KHI	Vietnamese
4	LE HUY VINH	PPD	53	1	5	40	64	KHI	Vietnamese
5	HA THE BAO	PPD					80	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	64	1	4		55	KHI	Vietnamese
7	ĐAO ANH TUAN	PPD	50	1	3		68	KHI	Vietnamese
8	CAO NAM QUY	PPD	60	1	6		70	KHI	Vietnamese
9	PHAM HOANG NGUYEN	PPD	47-48	2	10		60	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH HAI	PPD	65	1	4		64	KHI	Vietnamese
11	HOANG MINH HIEU	PPD	55	1	8		68	KHI	Vietnamese
12	HA QUOC VIET	PPD	56	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN MINH KHOA	PPD	54	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	TRINH HOANG THEM	PPD	59	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	LE VAN THANG	PPD	51	1	9		55	KHI	Vietnamese
16	TRAN VAN DUC	PPD	61	1	6		52	PSV	Vietnamese
17	LE NGUYEN DUY THONG	PPD	62	1	9		54	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN CONG KHANH	PPD	63	1	10		80	DK9	Vietnamese
19	TRAN MINH KIEN	TGTH5	76-77	2	10		65	HLJOC	Vietnamese
20	THAI THANH THAO	TGTH5	74-75	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM ANH DUC	TGTH5	73	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

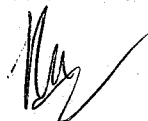
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	18	106	1.193	155	17		
2	TGTH5	3	5	33	212	0	4		
TOTAL		21	23	139	1.405	155	21		
WEIGHT KG				139	1.405	155			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	TO: RP3 - GTC1 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 16:20
TIM-4			

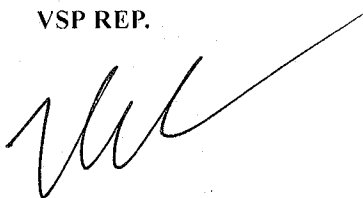
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN HUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
2	VU MANH CUONG	RP3	47	1	3		72	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG NAM	RP3	39	1	5		82	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	28	1	8		80	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN PHU	RP3	29	1	4		65	KHI	Vietnamese
6	LE ĐUC VIỆT	RP3	30	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	LE HOANG ANH	RP3	48	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	ĐƯƠNG HỒNG QUÂN	RP3	27	1	5		68	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH QUANG HUY	RP3					75	KHI	Vietnamese
10	LE XUAN HIEN	RP3	43	1	5		80	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	34	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	42	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VU	RP3	32-33	2	12		67	KHI	Vietnamese
14	VU DUY PHUONG	RP3	41	1	6		50	KHI	Vietnamese
15	LE HUU DAT	RP3	44	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	VÔ PHI HỒ	RP3	37	1	10		86	KHI	Vietnamese
17	BUI QUANG SANG	RP3	45-46	2	10		10	KHI	Vietnamese
18	ĐO QUỐC PHONG	RP3	40	1	8		82	KHI	Vietnamese
19	HUYNH MINH SANG	RP3	35-36	2	10		80	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN BANG	RP3	38	1	8		82	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN NGHIA TIN	GTC1	92	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

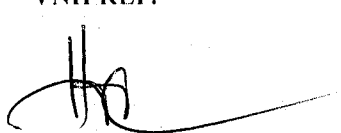
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	21	119	1.399	0	16		
2	GTC1	1	1	8	75	0	1		
3	TTC1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	22	127	1.474	0	22		
WEIGHT KG				127	1.474	0			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

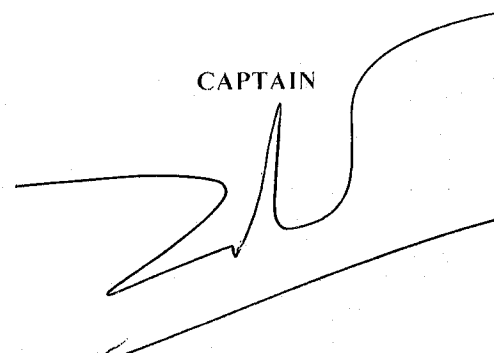
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT:	TO: BK14 - BK10 - VSP01	CREW: HUNG - LTuấn - MQUÂN	ETA: 16:25
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	39	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	BK10	72-73	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH TRUNG	BK10	71	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	BK10	70	1	12	45	89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	BK10	77-78	2	13		135	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	54	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	46	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
8	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	57	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	48	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BÌNH	VSP01	56	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THỊ CHÍNH	VSP01	60	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	51	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BÀ NGỌC	VSP01	53	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	44-45	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HUỲNH VĂN THÔN	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THỊ CUÔNG	VSP01	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG BA HUNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

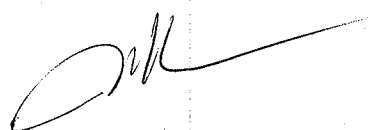
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	5	60	20	0		
2	BK10	4	6	56	368	45	1		
3	VSP01	16	15	74	1.111	0	21		
TOTAL		21	22	135	1.539	65	22		
WEIGHT KG				135	1.539	65			

GRAND TOTAL: 1.739 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

